BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35 / 2012/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2012*

THÔNG TƯ

Ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020";

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ,

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Cục trưởng Cục Đào tạo với nước ngoài, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGDTNTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB QPPL);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Bùi Văn Ga

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35 /2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Đề án 911) bao gồm: đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài; đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước; đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp; đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và kiến thức, kỹ năng nghiên cứu (sau đây gọi tắt là đào tạo tiền tiến sĩ).

2. Văn bản này áp dụng đối với các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng, viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng tuyển sinh

1. Giảng viên biên chế, giảng viên hợp đồng làm việc xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn của các đại học, học viện có đào tạo đại học, trường đại học, cao đẳng (sau đây gọi chung là trường).

2. Người có nguyện vọng và cam kết trở thành giảng viên tại các trường bao gồm:

a) Người mới tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ (trong vòng 12 tháng tính đến ngày dự tuyển);

b) Nghiên cứu viên đang làm việc tại các Viện nghiên cứu khoa học;

c) Những người có năng lực và chuyên môn giỏi đang làm việc tại các đơn vị ngoài nhà trường;

3. Không quá 45 tuổi tính theo năm đăng ký dự tuyển.

Điều 3. Thời gian thực hiện, phương thức đào tạo

1. Thời gian thực hiện: Thực hiện tuyển sinh đến hết năm 2020.

2. Phương thức đào tạo:

a) Đào tạo ở nước ngoài: Nghiên cứu sinh (NCS) được gửi đi đào tạo toàn thời gian tại cơ sở đào tạo ở nước ngoài;

b) Đào tạo ở trong nước: NCS được đào tạo chủ yếu ở trong nước, trong đó có thời gian đi thực tập ở nước ngoài.

c) Đào tạo theo phương thức phối hợp: NCS được đào tạo một phần thời gian ở trong nước và một phần thời gian ở nước ngoài với sự phối hợp đào tạo giữa cơ sở đào tạo tiến sĩ trong nước và cơ sở đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của nghiên cứu sinh

1. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh:

a) Hoàn thành chương trình đào tạo đã đăng ký;

b) Thực hiện các nhiệm vụ của NCS theo quy định của cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài nơi NCS theo học;

c) Thực hiện đúng cam kết đã ký với trường cử NCS đi học;

d) Đối với NCS đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, NCS đào tạo theo phương thức phối hợp đang trong thời gian đào tạo ở nước ngoài và NCS đào tạo trong nước đang trong thời gian thực tập ở nước ngoài: phải tuân thủ các quy định về lưu học sinh trong Quy chế quản lý công dân Việt Nam đang được đào tạo ở nước ngoài hiện hành; định kỳ 6 tháng và khi kết thúc thời gian đào tạo tại nước ngoài có báo cáo về tình hình, kết quả học tập và nghiên cứu, gửi qua đường bưu điện, email hoặc nộp trực tiếp cho Cục Đào tạo với nước ngoài (ĐTVNN) và Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài. Mẫu báo cáo tại Phụ lục I kèm theo;

đ) Đối với NCS đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài: sau khi tốt nghiệp phải hoàn thành các thủ tục được quy định tại Quy định thủ tục cử người đi học đại học và sau đại học ở nước ngoài, thủ tục gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài và thủ tục tiếp nhận lưu học sinh về nước ban hành kèm theo Quyết định số 740/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo, NCS phải quay trở lại trường cử đi học để làm thủ tục tiếp nhận lại (đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này) hoặc làm các thủ tục tuyển dụng (đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này).

g) Chi trả kinh phí đào tạo trong thời gian gia hạn học tập (nếu có).

2. Quyền của nghiên cứu sinh:

a) Được cấp học bổng và chi phí đào tạo trong thời gian khóa đào tạo;

b) Được trường cử đi đào tạo tạo điều kiện, bố trí thời gian để thực hiện chương trình đào tạo theo quy định;

c) Được trường cử đi đào tạo tiếp nhận trở lại làm việc hoặc tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp theo đúng chuyên môn được đào tạo.

d) Trong thời hạn không quá 9 tháng kể từ ngày NCS hoàn thành chương trình đào tạo, nếu trường cử NCS đi học không tiếp nhận trở lại làm việc hoặc không tuyển dụng chính thức làm giảng viên và phân công công việc cho NCS thì NCS không phải bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

3. Nghĩa vụ của nghiên cứu sinh:

a) Sau khi tốt nghiệp phải trở về phục vụ tại trường đã cử đi đào tạo. Thời gian tối thiểu phục vụ tại trường đã cử đi đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước;

b) Bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo nếu không hoàn thành chương trình đào tạo (trừ lý do bất khả kháng khiến cho NCS không thể tiếp tục học tập như: bệnh nặng, thiên tai, chiến tranh, tai nạn, qua đời...), hoặc đã tốt nghiệp nhưng không phục vụ đủ thời gian làm việc quy định tại điểm a khoản này. Việc bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Trách nhiệm của các trường cử giảng viên đi đào tạo

1. Xác định nhu cầu tuyển dụng, xây dựng kế hoạch đào tạo giảng viên theo Đề án 911 theo từng năm và từng giai đoạn, bao gồm cả kế hoạch đào tạo theo từng chuyên ngành, nhóm các ngành, lĩnh vực chuyên môn cần tập trung phát triển của trường.

2. Lập báo cáo kế hoạch và số lượng giảng viên cử đi đào tạo theo từng chuyên ngành, từng phương thức đào tạo, kèm theo tên cơ sở đào tạo tiến sĩ trong nước hoặc nước ngoài mà các giảng viên dự kiến đăng ký dự tuyển, số lượng giảng viên cử đi đào tạo tiền tiến sĩ theo từng phương thức đào tạo, gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 3 hằng năm. Mẫu báo cáo tại Phụ lục II kèm theo.

3. Các trường có nhu cầu tuyển dụng những đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này để làm giảng viên sau khi được đào tạo có trách nhiệm:

a) Ký hợp đồng cam kết tuyển dụng những đối tượng này làm giảng viên sau khi tốt nghiệp; cử những đối tượng này đi đào tạo theo Đề án 911;

b) Có biện pháp đảm bảo để NCS thực hiện các nghĩa vụ nêu tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

4. Chi trả 50% kinh phí đào tạo tiền tiến sĩ cho các giảng viên của trường, chuyển trả các cơ sở giáo dục đại học được giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ (sau đây gọi tắt là cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ) nơi giảng viên đến học.

5. Tạo điều kiện cho giảng viên được đi đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 911; tiếp nhận lại (đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này) hoặc tuyển dụng làm giảng viên (đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này) và bố trí công việc cho những đối tượng này trong thời hạn không quá 6 tháng sau khi những đối tượng này đã hoàn thành các thủ tục sau tốt nghiệp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 4 của Quy định này. Quá thời hạn này, nếu trường không ra quyết định tiếp nhận hoặc tuyển dụng làm giảng viên và không bố trí công việc cho giảng viên thì nhà trường có trách nhiệm hoàn trả học bổng và chi phí đào tạo giảng viên đó cho ngân sách Nhà nước.

Chương II
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Đối tượng dự tuyển đi đào tạo ở nước ngoài

Ứng viên dự tuyển đi đào tạo ở nước ngoài là các đối tượng quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 2 của Quy định này.

Điều 7. Điều kiện dự tuyển

1. Về văn bằng:

a) Ứng viên là đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này: có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ;

b) Ứng viên là đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Quy định này:

- Mới tốt nghiệp thạc sĩ (trong vòng 12 tháng tính đến ngày dự tuyển): có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên đồng thời có bằng tốt nghiệp thạc sĩ với kết quả học tập đạt 8,0 trở lên (theo thang điểm 10). Trường hợp được đào tạo ở nước ngoài thì đánh giá loại tốt nghiệp, kết quả học tập theo quy định về đánh giá và thang điểm của cơ sở đào tạo nước sở tại hoặc xét tương đương theo đánh giá xếp loại của Việt Nam.

2. Đăng ký ngành học phù hợp với ngành tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ.

3. Được một trường ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp.

4. Có công văn cử đi dự tuyển của trường nơi ứng viên công tác (đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này) hoặc nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Quy định này).

5. Ứng viên, bố/mẹ hoặc người bảo lãnh của ứng viên (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Quy định này) có cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ với trường cử ứng viên dự tuyển quy định tại khoản 1, 3 Điều 4 và khoản 5 Điều 5 của Quy định này.

6. Về trình độ ngoại ngữ: Có một trong các chứng chỉ, văn bằng sau:

a) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ do một cơ sở quốc tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 2 năm tính đến khi dự tuyển, phù hợp với yêu cầu của cơ sở đào tạo nước ngoài;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ ở nước ngoài nay trở lại nước đó học tập hoặc ngôn ngữ đã sử dụng trong học tập ở nước ngoài phù hợp với ngôn ngữ sẽ sử dụng để thực hiện chương trình đào tạo tiến sĩ;

7. Có phẩm chất đạo đức tốt, đủ sức khỏe để học tập, cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của NCS quy định tại khoản 1 và 3 Điều 4 của Quy định này.

Điều 8. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo: theo yêu cầu của chương trình đào tạo nhưng không quá 4 năm.

2. Hình thức đào tạo: tập trung (NCS dành toàn bộ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo).

Điều 9. Cơ sở đào tạo ở nước ngoài

1. Cơ sở đào tạo nước ngoài được lựa chọn để gửi NCS đi đào tạo toàn thời gian hoặc theo phương thức phối hợp là các cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ có uy tín

trên thế giới, được kiểm định bởi các hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức kiểm định giáo dục có uy tín quốc gia hoặc quốc tế.

2. Danh mục định hướng các cơ sở đào tạo tiến sĩ tại từng nước được đăng tải công khai hàng năm trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ www.moet.gov.vn) và Cục ĐTVNN – Bộ Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ www.vied.vn).

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Căn cứ các quy định của văn bản này, hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo tuyển sinh, trong đó nêu cụ thể chỉ tiêu, thời hạn tuyển sinh; nước gửi đi đào tạo; điều kiện dự tuyển đối với từng chương trình đào tạo của từng nước; điều kiện trúng tuyển; điều kiện để có quyết định đi học ở nước ngoài;

2. Thông báo tuyển sinh được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo (www.moet.gov.vn) và Cục ĐTVNN (www.vied. vn).

Điều 11. Lập danh sách ứng viên của trường để cử đi dự tuyển.

Hằng năm, trên cơ sở thông báo tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường tổ chức xét chọn theo các điều kiện quy định tại Điều 7 của Quy định này và theo kế hoạch đào tạo giảng viên của trường nêu tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này; lập danh sách ứng viên cử đi dự tuyển theo nhóm hoặc theo thứ tự ưu tiên, đối với từng chương trình đào tạo (nếu có);

Điều 12. Hồ sơ dự tuyển và đăng ký dự tuyển trực tuyến

1. Hồ sơ dự tuyển: Người dự tuyển đi học tại nước ngoài nộp cho Cục ĐTVNN 01 bộ hồ sơ giấy bằng tiếng Việt gồm các loại giấy tờ sau đây:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển có xác nhận của trường cử đi dự tuyển (mẫu tại Phụ lục IV);

b) Công văn cử đi dự tuyển của trường nơi ứng viên công tác (đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này) hoặc nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Quy định này).

c) Bản sao hợp lệ các hợp đồng làm việc, quyết định tuyển dụng và đồng ý cho chuyển công tác (nếu có); hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên của trường cử đi học;

d) Văn bản cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ giữa nghiên cứu sinh, bố, mẹ hoặc người bảo lãnh và trường cử nghiên cứu sinh đi đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài theo Đề án 911. Mẫu cam kết tại Phụ lục III(a) kèm theo.

đ) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với trường hợp đang chờ cấp bằng (bổ sung bản sao bằng tốt nghiệp chính thức sau khi trúng tuyển);

e) Bản sao hợp lệ bảng điểm đại học, thạc sĩ;

g) Bản sao văn bản tiếp nhận đào tạo, văn bản đồng ý cấp học bổng toàn phần hoặc bán phần do cơ sở đào tạo, cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cấp (nếu có);

h) Bản sao hợp lệ chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn theo quy định;

i) Danh mục và bản sao công trình nghiên cứu khoa học (nếu có);

k) Giấy tờ khác nếu có (bằng khen, giấy tờ ưu tiên...);

l) Bản sao hóa đơn, chứng từ về việc nộp lệ phí dự tuyển.

2. Đăng ký dự tuyển trực tuyến (đăng ký dự tuyển online)

Đồng thời với việc nộp hồ sơ giấy, các ứng viên phải quét (scan) các giấy tờ trong hồ sơ dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này thành từng file định dạng pdf và đăng ký dự tuyển trực tuyến tại địa chỉ http://tuyensinh.vied.vn/.

Điều 13. Quy trình tuyển chọn và cử NCS đi đào tạo ở nước ngoài

1. Hết thời hạn nhận hồ sơ dự tuyển, Cục ĐTVNN chủ trì lập danh sách trích ngang ứng viên theo đối tượng và điều kiện xét tuyển; dự kiến danh sách ứng viên đủ điều kiện trúng tuyển; phối hợp và thống nhất với Vụ Giáo dục Đại học duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định;

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định danh sách ứng viên trúng tuyển NCS đi học ở nước ngoài. Trước khi có quyết định đi học ở nước ngoài NCS phải đạt trình độ ngoại ngữ cấp độ C1 hoặc bậc 5/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trừ trường hợp cơ sở đào tạo nước ngoài có yêu cầu khác;

3. Kết quả trúng tuyển có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký quyết định phê duyệt trúng tuyển đối với đối tượng đã đủ điều kiện ngoại ngữ và có hiệu lực trong vòng 18 tháng đối với đối tượng chưa đủ điều kiện ngoại ngữ quy định tại điểm b khoản này;

4. Liên hệ cơ sở đào tạo cho ứng viên được thực hiện theo các cách sau:

a) Cục ĐTVNN tiến hành các thủ tục liên hệ đăng ký học với các cơ sở đào tạo nước ngoài cho các ứng viên.

b) Các trường có ứng viên liên hệ với các trường đại học đối tác nước ngoài để gửi giảng viên của trường đi đào tạo theo nhóm giảng viên, theo ngành cần tập trung phát triển của trường;

c) Ứng viên có thể tự liên hệ, nhưng không được thông qua các trung tâm tư vấn du học với cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ nước ngoài theo quy định tại Điều 9 của Quy định này để được tiếp nhận;

5. Khi ứng viên có giấy tiếp nhận của cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài và đạt trình độ ngoại ngữ cấp độ C1 hoặc bậc 5/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, Cục trưởng Cục ĐTVNN có trách nhiệm ra

quyết định cử giảng viên đi đào tạo và tiến hành các thủ tục cho giảng viên đi học ở nước ngoài.

Chương III
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ Ở TRONG NƯỚC

Điều 14. Điều kiện dự tuyển

1. Điều kiện dự tuyển đào tạo ở trong nước đối với đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này thực hiện theo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

2. Điều kiện dự tuyển đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này:

a) Về văn bằng: đáp ứng một trong các trường hợp sau

- Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và bằng tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại khá trở lên;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy đạt loại giỏi trở lên. Sinh viên tốt nghiệp chương trình tiên tiến, kỹ sư chất lượng cao, cử nhân tài năng có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên.

Trường hợp tốt nghiệp đại học ở nước ngoài thì việc đánh giá loại tốt nghiệp, kết quả học tập theo quy định về đánh giá và thang điểm của cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc xét tương đương theo đánh giá xếp loại của Việt Nam;

b) Được một trường ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp,

c) Có công văn cử đi dự tuyển của trường nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên sau khi tốt nghiệp (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Quy định này).

d) Các điều kiện dự tuyển khác theo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

3. Các đối tượng dự tuyển quy định tại Điều 2 của Quy định này phải có cam kết thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ giữa NCS, bố, mẹ hoặc người bảo lãnh của ứng viên (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Quy định này) và trường cử ứng viên dự tuyển quy định tại khoản 1, 3 Điều 4 của Quy định này khi ứng viên trúng tuyển NCS. Mẫu cam kết tại Phụ lục III(b) kèm theo.

Điều 15. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo: theo yêu cầu của chương trình đào tạo nhưng không quá 4 năm, trong đó có tối đa 6 tháng đi thực tập ở nước ngoài.

2. Hình thức đào tạo: tập trung (NCS dành toàn bộ thời gian học tập và nghiên cứu của khóa học tại cơ sở đào tạo, không kể thời gian đi thực tập tại nước ngoài).

Đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này có thể theo học hình thức không tập trung nếu được trường cử đi học có công văn đề nghị. Trong trường hợp này, NCS phải có ít nhất 1,5 năm học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo.

Điều 16. Điều kiện và đề án đăng ký nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước theo Đề án 911

1. Điều kiện để được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911:

a) Là cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước, có kinh nghiệm đào tạo ít nhất 5 năm với quy mô đào tạo ổn định;

b) Có đội ngũ các nhà khoa học và cơ sở vật chất, thư viện đảm bảo đào tạo NCS trong nước đáp ứng các yêu cầu của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và yêu cầu của Đề án 911;

c) Có đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911 xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911 được xây dựng đảm bảo những nội dung và yêu cầu chính như sau:

a) Giới thiệu về cơ sở đào tạo, kinh nghiệm đào tạo;

b) Đăng ký chương trình đào tạo; số lượng tuyển sinh hằng năm; kế hoạch đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo;

c) Điều kiện dự tuyển; học phí và kinh phí triển khai;

d) Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để thực hiện chương trình đào tạo trong nước bao gồm: đội ngũ cán bộ khoa học; cơ sở vật chất; kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong đào tạo tiến sĩ;

đ) Kế hoạch tổ chức đào tạo: phù hợp, đảm bảo hỗ trợ cho NCS thực hiện nghiên cứu khoa học tại các cơ sở thí nghiệm, thực hành có chất lượng; đi thực tập ở nước ngoài; tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; đăng bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín của Việt Nam và quốc tế;

e) Nhiệm vụ và trách nhiệm của giảng viên, người hướng dẫn, NCS trong quá trình đào tạo bao gồm việc hỗ trợ NCS tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế, thực hiện thực nghiệm, thí nghiệm, khảo sát, đăng bài báo quốc tế và các hoạt động khoa học khác;

g) Cam kết trong việc tổ chức quản lý NCS, đảm bảo quá trình đào tạo có hiệu quả và NCS tốt nghiệp có chất lượng cao thể hiện ở một trong các trường hợp sau:

- Có ít nhất 03 bài báo khoa học công bố trong nước trong tạp chí chuyên ngành tính đến 1 điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước quy định hoặc trong tạp chí hàng đầu, có uy tín của mỗi ngành/lĩnh vực do trường quy định;

- Có ít nhất 01 báo cáo liên quan đến đề tài luận án đăng toàn văn tại hội nghị khoa học cấp quốc gia và tại hội thảo/hội nghị quốc tế .

- Có ít nhất 01 bài báo khoa học công bố ngoài nước (tạp chí quốc tế ISI hoặc tạp chí có uy tín).

Mẫu đề cương đề án tại Phụ lục V kèm theo.

Điều 17. Hồ sơ, quy trình giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước theo Đề án 911

1. Hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911 bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911;

b) Đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911;

c) Biên bản thông qua đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo;

d) Quyết định đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quy trình xem xét giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận 01 bộ hồ sơ do cơ sở đào tạo gửi đến qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ.

- Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện, đạt yêu cầu theo quy định và đáp ứng nhu cầu đào tạo NCS theo Đề án 911, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911 cho cơ sở đào tạo;

- Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện theo quy định, nhưng vẫn còn một số nội dung cần phải hoàn thiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo kết quả thẩm định và những nội dung cần hoàn thiện;

- Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo chưa đáp ứng các điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản tình trạng hồ sơ và đề nghị cơ sở đào tạo cần tiếp tục chuẩn bị các điều kiện;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện của cơ sở đào tạo (đối với những hồ sơ đã đảm bảo các điều kiện theo quy định được thông báo cần hoàn thiện), nếu hồ sơ đạt yêu cầu theo quy định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ ở trong nước theo Đề án 911 cho cơ sở đào tạo.

Điều 18. Tuyển sinh và tổ chức đào tạo

1. Tuyển sinh

Hằng năm, Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra thông báo tuyển sinh, hồ sơ dự tuyển, tổ chức tuyển sinh và triệu tập NCS trúng tuyển theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và quy định, yêu cầu nêu trong Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước của cơ sở đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận.

2. Tổ chức đào tạo

a) Tổ chức đào tạo NCS trong nước thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành; NCS đào tạo theo Đề án 911 sẽ được tổ chức học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan chung với NCS của cơ sở đào tạo;

b) Trong quá trình NCS thực hiện và bảo vệ đề tài luận án, cơ sở đào tạo hỗ trợ NCS tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; tiến hành các nghiên cứu, thí nghiệm; đăng bài báo quốc tế; mời các nhà khoa học nước ngoài tham gia đồng hướng dẫn, phản biện luận án và Hội đồng đánh giá luận án các cấp;

c) Cơ sở đào tạo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành.

3. Cử NCS đi thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài:

a) Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định cử NCS đi thực tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài để thực hiện một phần đề tài luận án; tham gia và có báo cáo tại hội nghị, hội thảo khoa học về vấn đề liên quan đến đề tài luận án; phối hợp với giảng viên của cơ sở đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài để đăng bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín;

b) Trước khi đi thực tập ở nước ngoài NCS phải đạt trình độ ngoại ngữ cấp độ C1 hoặc bậc 5/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trừ trường hợp cơ sở đào tạo nước ngoài có yêu cầu khác;

c) Cơ sở đào tạo ở nước ngoài nhận NCS đến thực tập phải là các cơ sở đang đào tạo, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đề tài luận án của NCS, có đội ngũ các nhà khoa học, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, điều kiện thực hiện nghiên cứu tốt để NCS có thể tiến hành thực hiện phần đề tài luận án theo dự kiến nhằm nâng cao chất lượng luận án; hoặc để hoàn thiện báo cáo khoa học trình bày tại hội nghị khoa học quốc tế, đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có uy tín;

d) Sau khi kết thúc thời gian thực tập ở nước ngoài, NCS phải có báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu với cơ sở đào tạo NCS ở trong nước. Mẫu báo cáo tại Phụ lục I kèm theo.

Điều 19. Trách nhiệm, quyền của giảng viên tham gia giảng dạy chương trình tiến sĩ, người hướng dẫn nghiên cứu sinh đào tạo trong nước theo Đề án 911

1. Giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ theo Đề án 911 và người hướng dẫn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và nhiệm vụ của

giảng viên, người hướng dẫn nêu trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và quy định, yêu cầu nêu trong Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước theo Đề án 911 của cơ sở đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận.

2. Quyền của giảng viên tham gia giảng dạy chương trình tiến sĩ và của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo Đề án 911.

Ngoài các quyền của giảng viên, người hướng dẫn quy định tại Điều lệ trường đại học hiện hành, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành, giảng viên và người hướng dẫn NCS theo Đề án 911 còn được:

a) Được hưởng các chế độ ưu đãi về tài chính, về điều kiện giảng dạy, nghiên cứu khi tham gia đào tạo theo Đề án 911;

b) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn và cơ sở đào tạo tiến sĩ trong nước

1. Tháng 4 hàng năm, cơ sở đào tạo trong nước báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo theo các chuyên ngành được giao nhiệm vụ đào tạo và kế hoạch cử NCS đi thực tập ở nước ngoài của năm tiếp theo.

2. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm cấp phát và quản lý kinh phí trong thời gian NCS đi thực tập ở nước ngoài.

3. Đơn vị chuyên môn và cơ sở đào tạo tiến sĩ trong nước đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 911 có trách nhiệm được quy định trong Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và quy định, yêu cầu nêu trong Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước theo Đề án 911 của cơ sở đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận.

Chương IV
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ THEO PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP

Điều 21. Điều kiện dự tuyển

Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Quy định này.

Điều 22. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo từ 3 đến 4 năm, theo thỏa thuận giữa cơ sở đào tạo trong nước và cơ sở đào tạo nước ngoài nhưng tổng thời gian đào tạo ở nước ngoài không quá 50% tổng thời gian đào tạo toàn khóa.

2. Hình thức đào tạo: tập trung.

Điều 23. Điều kiện và đề án đăng ký nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp

1. Điều kiện để các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp:

a) Là cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ, có kinh nghiệm đào tạo ít nhất 5 năm với quy mô và kết quả đào tạo ổn định.

b) Có đội ngũ các nhà khoa học đáp ứng các quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và đủ năng lực ngoại ngữ tham gia đào tạo tiến sĩ theo phương thức phối hợp.

c) Có chương trình đào tạo được hai bên xây dựng và thống nhất, phù hợp với điều kiện của cả hai bên;

d) Có thỏa thuận hợp tác đào tạo tiến sĩ với cơ sở đào tạo nước ngoài đã được ký kết giữa hai bên đảm bảo thực hiện những nội dung cơ bản nêu trong Đề án nhận nhiệm vụ của cơ sở đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này.

đ) Có cơ sở vật chất, thư viện đảm bảo để thực hiện chương trình đào tạo tiến sĩ theo phương thức phối hợp đáp ứng yêu cầu của cơ sở đào tạo nước ngoài;

e) Cơ sở đào tạo trong nước chỉ được phối hợp đào tạo trình độ tiến sĩ với cơ sở đào tạo nước ngoài quy định tại Điều 9 của Quy định này;

g) Có đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đề án đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp được xây dựng theo những nội dung và yêu cầu chính như sau:

a) Giới thiệu về trường đối tác nước ngoài; kinh nghiệm hợp tác đào tạo tiến sĩ.

b) Ngành đào tạo, chương trình đào tạo, quy mô đào tạo;

c) Đối tượng, điều kiện dự tuyển;

d) Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để thực hiện chương trình đào tạo phối hợp bao gồm: đội ngũ cán bộ khoa học; cơ sở vật chất; kinh nghiệm đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học của cả hai bên; kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong đào tạo tiến sĩ với các trường đối tác; cam kết đầu ra của NCS như quy định tại điểm h khoản này;

đ) Các quy định của cơ sở đào tạo tiến sĩ trong nước và cơ sở đào tạo tiến sĩ nước ngoài về đào tạo theo phương thức phối hợp, trong đó nêu rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong tổ chức đào tạo, hướng dẫn luận án, bảo vệ luận án, hỗ trợ NCS đăng bài báo quốc tế, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; áp dụng các quy định về tổ chức đào tạo tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài vào cơ sở đào tạo Việt Nam;

e) Kế hoạch đào tạo nêu rõ thời gian, lộ trình đào tạo tại Việt Nam và tại cơ sở đào tạo nước ngoài; trách nhiệm của cả hai bên trong suốt quá trình đào tạo NCS; đồng hướng dẫn NCS;

g) Tổ chức hoạt động đào tạo: áp dụng quy chế và yêu cầu đào tạo NCS của cơ sở đào tạo nước ngoài trong đào tạo NCS theo phương thức phối hợp; tổ chức nghiên cứu khoa học, hội thảo chuyên ngành... tại cơ sở đào tạo Việt Nam có sự tham gia của các giáo sư của cơ sở đào tạo nước ngoài; tổ chức bảo vệ luận án tại cơ sở đào tạo Việt Nam có sự tham gia của các giáo sư nước ngoài; luận án được viết và bảo vệ bằng tiếng nước ngoài;

h) Cam kết của cơ sở đào tạo: ngoài cam kết quy định tại điểm g khoản 2 Điều 16, NCS khi bảo vệ luận án có ít nhất 01 báo cáo được đăng trong kỷ yếu hội thảo hoặc hội nghị quốc tế hoặc 01 bài báo khoa học công bố ngoài nước (tạp chí quốc tế ISI hoặc tạp chí có uy tín);

i) Cơ cấu tổ chức thực hiện đề án, các biện pháp xử lý rủi ro;

k) Trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tuyển chọn NCS, đào tạo và đánh giá luận án tốt nghiệp; giảng viên Việt Nam, giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn; nơi bảo vệ luận án, cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm cấp bằng; các nội dung liên quan khác;

l) Dự toán kinh phí chi tiết.

Mẫu đề cương đề án tại Phụ lục VI kèm theo.

Điều 24. Hồ sơ và quy trình giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp

1. Hồ sơ đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp:

a) Tờ trình đề nghị nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp;

b) Biên bản thỏa thuận phối hợp đào tạo giữa cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước và cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ nước ngoài;

c) Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp;

d) Biên bản thông qua đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo;

đ) Văn bản chứng minh cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài đã được kiểm định chất lượng đào tạo;

2. Quy trình xem xét giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp.

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận 02 bộ hồ sơ do cơ sở đào tạo gửi đến qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại bộ phận Một cửa thuộc Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 30 ngày, Vụ Giáo dục Đại học chủ trì, phối hợp với Cục ĐTVNN thẩm định hồ sơ.

- Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện, đạt yêu cầu theo quy định và đáp ứng nhu cầu đào tạo NCS theo Đề án 911, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo ra quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp cho cơ sở đào tạo;

- Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo bảo đảm các điều kiện theo quy định, nhưng vẫn còn một số nội dung cần phải hoàn thiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo kết quả thẩm định và những nội dung cần hoàn thiện;

- Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo chưa đáp ứng các điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản tình trạng hồ sơ và đề nghị cơ sở đào tạo cần tiếp tục hoàn thiện các điều kiện;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện của cơ sở đào tạo (đối với những hồ sơ đã đảm bảo các điều kiện theo quy định được thông báo cần hoàn thiện), nếu hồ sơ đạt yêu cầu theo quy định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp cho cơ sở đào tạo**.**

Điều 25. Tuyển sinh và tổ chức đào tạo

1. Hàng năm các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp ra thông báo tuyển sinh, trong đó nêu cụ thể về chỉ tiêu, chuyên ngành đào tạo, đối tượng, điều kiện dự tuyển; hồ sơ và lệ phí tuyển sinh, thời gian tuyển chọn; tổ chức tuyển sinh và ra quyết định công nhận NCS trúng tuyển.

2. Việc tổ chức đào tạo thực hiện theo các quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành, các quy định của cơ sở nước ngoài và kế hoạch đào tạo nêu trong Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo phương thức phối hợp đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận.

3. Cơ sở đào tạo trong nước có trách nhiệm chủ trì xác định kế hoạch cử NCS đi đào tạo tại cơ sở đào tạo nước ngoài theo chương trình đào tạo được thống nhất giữa hai bên; Cục ĐTVNN có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ sở đào tạo trong nước để ra quyết định và giải quyết thủ tục cử NCS đi đào tạo ở nước ngoài theo đúng kế hoạch. Trước khi đi học ở nước ngoài, NCS phải đạt trình độ ngoại ngữ cấp độ C1 hoặc bậc 5/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trừ trường hợp cơ sở đào tạo nước ngoài có yêu cầu khác.

4. Định kỳ 6 tháng và cuối thời gian đào tạo tại nước ngoài, NCS phải có báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu cho Cục ĐTVNN và cơ sở đào tạo tiến sĩ trong nước của NCS. Mẫu báo cáo tại Phụ lục I kèm theo.

Điều 26. Trách nhiệm và quyền của giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ và người hướng dẫn NCS theo phương thức phối hợp

1. Trong thời gian NCS được đào tạo trong nước, giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ và người hướng dẫn (kể cả giảng viên và người hướng dẫn nước ngoài) có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về nhiệm vụ và

trách nhiệm của giảng viên và người hướng dẫn được quy định tại Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và quy định tại Đề án đào tạo phối hợp của cơ sở đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận.

2. Trong thời gian NCS được đào tạo tại cơ sở đào tạo nước ngoài, người hướng dẫn (kể cả người hướng dẫn của cơ sở đào tạo trong nước) có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về nhiệm vụ và trách nhiệm người hướng dẫn của cơ sở đào tạo nước ngoài và các quy định trong đề án đào tạo phối hợp đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận.

3. Quyền của giảng viên tham gia giảng dạy chương trình tiến sĩ và của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo phương thức phối hợp thực hiện theo khoản 2 Điều 19 của Quy định này.

Chương V
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGOẠI NGỮ VÀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU

Điều 27. Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và kiến thức, kỹ năng nghiên cứu.

1. Những ứng viên trúng tuyển đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài hoặc NCS đào tạo theo phương thức phối hợp trước khi đi đào tạo ở nước ngoài chưa đạt trình độ ngoại ngữ cấp độ C1 hoặc bậc 5/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ.

2. Những người chuẩn bị dự tuyển chương trình đào tạo trong nước, đào tạo phối hợp, có trình độ ngoại ngữ đạt cấp độ A2 hoặc bậc 2/6 trở lên nhưng chưa đạt trình độ cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ.

3. Những người chuẩn bị đi học nước ngoài chưa dự các lớp bồi dưỡng kiến thức định hướng.

Điều 28. Thời gian, hình thức và nội dung đào tạo, bồi dưỡng

1. Thời gian và hình thức đào tạo, bồi dưỡng

Đào tạo tiền tiến sĩ được thực hiện trong thời gian tối đa 9 tháng theo hình thức tập trung.

2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

a) Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ từ trình độ B2 lên trình độ C1 cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 27; từ trình độ A2 lên trình độ B1 cho đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 27 của Quy định này;

b) Bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho các đối tượng nêu tại khoản 1, 2 Điều 27 của Quy định này;

c) Bồi dưỡng kiến thức định hướng dành cho các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều 27 của Quy định này.

Điều 29. Nhiệm vụ và trách nhiệm của cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ

1. Nhiệm vụ của cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ:

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh, Nga, Trung, Đức, Pháp) cho các ứng viên đạt yêu cầu đi học NCS ở trong và ngoài nước;

b) Bồi dưỡng cho học viên các kiến thức và kỹ năng chuyên môn; lập danh mục địa chỉ trang thông tin điện tử, đường dẫn kết nối với các chương trình đào tạo tiến sĩ theo ngành của các cơ sở đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước để học viên tìm hiểu;

c) Bồi dưỡng kiến thức định hướng cho NCS trước khi đi học nước ngoài.

2. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ:

a) Đảm bảo các điều kiện về chương trình đào tạo, bồi dưỡng; đội ngũ giảng viên, báo cáo viên; cơ sở vật chất để tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ và kiến thức, kĩ năng chuyên môn; cấp chứng chỉ cho các học viên hoàn thành các nội dung đào tạo, bồi dưỡng;

b) Cam kết đào tạo ngoại ngữ cho học viên đạt yêu cầu đầu ra (cấp độ B1 cho NCS trong nước và cấp độ C1 hoặc bậc 5/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ cho NCS đi học nước ngoài) theo đúng hợp đồng ký kết với các bên liên quan;

c) Thực hiện và thanh lý các hợp đồng đã ký kết trên cơ sở quy định của Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng tài chính đối với kinh phí thực hiện Đề án 911 hiện hành.

d) Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện sau mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 30. Điều kiện và đề án đăng ký nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ

1. Điều kiện để được giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ:

a) Là cơ sở giáo dục đại học đã được giao đào tạo ngành ngoại ngữ trình độ đại học, có kinh nghiệm hợp tác với các trường đại học, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ và bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng cần thiết cho học viên chuẩn bị làm NCS;

b) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo chương trình đào tạo tiền tiến sĩ, cụ thể:

- Đội ngũ giảng viên ngoại ngữ bao gồm cả giảng viên bản ngữ, có kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ, đã được đào tạo trình độ sau đại học về ngoại ngữ tại các trường đại học ở nước ngoài;

- Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên giảng dạy bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng là những người có trình độ tiến sĩ về quản lý giáo dục, giáo dục học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học; có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng những người làm công tác nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm trong bồi dưỡng kiến thức định hướng cho NCS trước khi đi học nước ngoài;

c) Có chương trình đào tạo tiền tiến sĩ phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 30 của Quy định này;

d) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo tiền tiến sĩ, cụ thể:

- Có đủ phòng học với trang thiết bị hiện đại, phù hợp cho giảng dạy ngoại ngữ với mỗi lớp từ 15-20 học viên, bao gồm máy chiếu, đầu máy DVD, máy tính kết nối Internet, trang thiết bị đa phương tiện, phòng học tiếng.

- Thư viện có trung tâm tư liệu và tự học, nguồn thông tin tư liệu, tài liệu học tập, băng đĩa và các phần mềm học ngoại ngữ đa dạng, đủ trang thiết bị, phương tiện (máy tính kết nối Internet, máy cassette, thiết bị nghe nhìn đa phương tiện…);

đ) Đảm bảo quy mô học viên phù hợp, hiệu quả;

e) Có đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ được xây dựng gồm những nội dung sau:

a) Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của cơ sở giáo dục trong đào tạo ngoại ngữ; quy mô, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn; cách thức tổ chức các khóa học;

b) Quy định về điều kiện tham gia, cam kết của học viên; điều kiện của cơ sở đảm bảo thực hiện cam kết đối với học viên; giám sát quá trình đào tạo, bồi dưỡng; cam kết thực hiện hợp đồng và thanh lý hợp đồng theo thỏa thuận;

c) Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo để thực hiện chương trình đào tạo tiền tiến sĩ: Đội ngũ giảng viên (bao gồm giảng viên Việt Nam và giảng viên bản ngữ giảng dạy ngoại ngữ; giảng viên, báo cáo viên giảng dạy bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn và kiến thức định hướng); cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện; chương trình đào tạo, bồi dưỡng; khả năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; kinh nghiệm hợp tác với các trường, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực giảng dạy ngoại ngữ và bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng cần thiết cho học viên chuẩn bị làm NCS;

d) Cam kết trình độ ngoại ngữ đầu ra của học viên đối với từng phương thức đào tạo trình độ tiến sĩ và những nội dung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kiến thức định hướng.

Mẫu đề cương đề án tại Phụ lục VII.

Điều 31. Hồ sơ và quy trình giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ

1. Hồ sơ đề nghị nhận nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ

a) Tờ trình đề nghị nhận nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ;

b) Đề án đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ;

2. Quy trình xem xét giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận 01 bộ hồ sơ do cơ sở giáo dục đại học gửi đến qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trong thời hạn 30 ngày, Vụ Giáo dục Đại học tiến hành thẩm định hồ sơ;

- Nếu hồ sơ của cơ sở giáo dục đại học bảo đảm các điều kiện điều kiện, đạt yêu cầu theo quy định và đáp ứng yêu cầu đào tạo tiền tiến sĩ theo Đề án 911, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ cho cơ sở giáo dục đại học;

- Nếu hồ sơ của cơ sở giáo dục đại học bảo đảm các điều kiện theo quy định, nhưng vẫn còn một số nội dung cần phải hoàn thiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở giáo dục đại học kết quả thẩm định và những nội dung cần hoàn thiện;

- Nếu hồ sơ của cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng các điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản tình trạng hồ sơ và đề nghị cơ sở giáo dục đại học cần tiếp tục hoàn thiện các điều kiện;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã hoàn thiện của cơ sở giáo dục đại học (đối với những hồ sơ được thông báo cần hoàn thiện), Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định giao nhiệm vụ đào tạo tiền tiến sĩ cho cơ sở giáo dục đại học.

Điều 32. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng

1. Các cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ cần thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo về kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng: đối tượng, thời gian đào tạo, bồi dưỡng của từng lớp ngoại ngữ, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; học phí và chế độ tài chính; việc cấp chứng chỉ và các nội dung cần thiết khác.

2. Đăng ký danh sách học viên với các cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ:

a) Đối với ứng viên đã trúng tuyển đi học nước ngoài nhưng cần học thêm ngoại ngữ: do Cục ĐTVNN thực hiện;

b) Đối với NCS các chương trình đào tạo phối hợp: do các cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước thực hiện;

c) Đối với các đối tượng chuẩn bị dự tuyển đào tạo NCS trong nước hoặc chương trình đào tạo phối hợp: cá nhân đăng ký trực tiếp với cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ.

3. Căn cứ danh sách học viên được đăng ký bởi các tổ chức hoặc cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này, các cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ sắp xếp các lớp học, lập dự trù kinh phí theo đối tượng và các bên có trách nhiệm chi trả căn cứ quy định hiện hành về quản lý và sử dụng tài chính đối với kinh phí thực hiện Đề án 911.

4. Trên cơ sở số lượng học viên đăng ký quy định tại khoản 2 Điều này, các cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ tiến hành các thủ tục ký hợp đồng đào tạo với Bộ Giáo dục và Đào tạo để nhận kinh phí đào tạo và thực hiện thanh lý hợp đồng sau mỗi khóa đào tạo.

5. Kết thúc mỗi khóa đào tạo, các cơ sở đào tạo tiền tiến sĩ báo cáo Vụ Giáo dục Đại học - Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình kết quả đào tạo, quyết toán tài chính của các lớp học thuộc khóa đào tạo đó.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm của Vụ Giáo dục Đại học

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo chất lượng và hiệu quả; xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm và từng giai đoạn; theo dõi, tổng hợp và tổ chức đánh giá kết quả đào tạo và chất lượng của các phương thức đào tạo; tổ chức sơ kết và tổng kết tình hình triển khai thực hiện Đề án; tổng hợp và đánh giá tình hình sử dụng những người đã được đào tạo theo Đề án.

2. Chủ trì quản lý, chỉ đạo hoạt động đào tạo tiến sĩ ở trong nước, đào tạo tiến sĩ theo phương thức phối hợp và đào tạo tiền tiến sĩ.

3. Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và Cục ĐTVNN xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch hằng năm và dự toán ngân sách để thực hiện Đề án.

4. Phối hợp với Cục ĐTVNN trong việc ra thông báo tuyển NCS đi học nước ngoài, xét duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển đi học nước ngoài trình lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

Điều 34. Trách nhiệm của Cục Đào tạo với nước ngoài

1. Chủ trì quản lý, theo dõi, đánh giá tình hình triển khai, kết quả đào tạo và chất lượng của phương thức đào tạo ở nước ngoài; tổng hợp và đánh giá tình hình sử dụng những người đã được đào tạo ở nước ngoài theo Đề án;

2. Chủ trì, phối hợp với Vụ Giáo dục Đại học trong việc ra thông báo tuyển sinh, xét tuyển và cử NCS đi đào tạo ở nước ngoài.

3. Phối hợp với Vụ Giáo dục Đại học và Vụ Kế hoạch – Tài chính xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch hằng năm và dự toán ngân sách để thực hiện Đề án;

4. Xây dựng văn bản và hướng dẫn NCS thực hiện các thủ tục liên quan đến việc nhập học, gia hạn học tập với cam kết tự chi trả tài chính trong thời gian gia hạn, các thủ tục tiếp nhận sau khi NCS tốt nghiệp trở về nước; liên hệ với các cơ sở đào tạo nước ngoài để sắp xếp NCS đi đào tạo; liên hệ với các cơ quan đầu mối của nước ngoài quản lý việc học tập của NCS; tổng hợp tình hình NCS đào tạo ở nước ngoài và định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Đầu mối phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài để bảo vệ chính trị nội bộ; hỗ trợ các thủ tục xuất nhập cảnh cho lưu học sinh đi đào tạo ở nước ngoài, cho giáo sư là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài vào Việt Nam thực hiện các chương trình đào tạo phối hợp**.**

Điều 35. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch – Tài chính

1. Chủ trì xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm để tổ chức thực hiện Đề án.

2. Đầu mối phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng nguồn tài chính; xây dựng định mức chi tiêu, xây dựng dự toán ngân sách hàng năm và bố trí ngân sách để thực hiện Đề án.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga